

Bản án số: **292/2022/HSPT**

Ngày: 09-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 270/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Phùng Mạnh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo:

Phùng Mạnh T, sinh năm: 1989 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Mạnh H, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị A, sinh năm 1958; vợ: Trần Thị Quỳnh N, sinh năm: 2001, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bắt tạm giam ngày 22/5/2021. Vắng.

Bị hại có kháng cáo:

1. Anh **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1985

Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Vắng.

2. Chị **Trần Thị Hồng V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện tại: tỉnh Bình Định. Vắng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:

1. Chị **Trần Thị Quỳnh N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Có.

2. Chị **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1985

Trú tại: tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Vắng.

3. Ngân hàng thương mại Cổ phần X Việt Nam – Chi nhánh Bình Định. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Văn T và anh Trương Võ Văn Q; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Mạnh T kết hôn với Trần Thị Quỳnh N vào năm 2019 và về sống chung nhà với chị N. Đầu năm 2020, T thuê nhà tại địa chỉ TP. Q, tỉnh Bình Định mở cơ sở kinh doanh massage D. Để có tiền đầu tư kinh doanh và tiêu xài cá nhân, Phùng Mạnh T đã liên lạc với một tài khoản của ứng dụng Zalo có tên “Đào tạo lái xe Thành Công”, đặt làm giả các Chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thanh toán tiền cho người làm giả qua tài khoản số 19032555081014 mở tại Ngân hàng T - Chi nhánh Gia Định, TP. Hồ Chí Minh mang tên “TRAN DUC DUY”. Sau đó, T sử dụng các loại giấy tờ giả này thực hiện hành vi bán, chuyển nhượng hoặc cầm cố tài sản cho người khác để chiếm đoạt tiền, trong khi những tài sản này không thuộc sở hữu của T hoặc thuộc sở hữu của T nhưng đang thế chấp vay vốn tại ngân hàng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/01/2020, Phùng Mạnh T cùng vợ là Trần Thị Quỳnh N ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh P, Bình Định (gọi tắt là X P) vay số tiền 690.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu đồng), để thanh toán tiền mua xe ô tô con nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 77A - 158.67. Vợ chồng T - N đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng X P. Sau đó, Phùng Mạnh T liên lạc với tài khoản Zalo có tên “Đào tạo lái xe Thành Công” đặt làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký của xe ô tô Mazda CX5, biển số 77A - 158.67, ghi tên chủ xe là Phùng Mạnh T, với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngày 22/01/2020, T sử dụng Chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô này và bảo N đến Văn phòng công chứng Bình Định (địa chỉ: tỉnh Bình Định) ký hợp đồng ủy quyền cho T toàn quyền định đoạt đối với chiếc xe trên. Khi ký hợp đồng ủy quyền thì N và Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C đều không biết Chứng nhận đăng ký xe là giả. Sau khi công chứng xong, T đem xe ô tô Mazda CX5 biển số 77A - 158.67 bán cho anh Nguyễn Hà N với giá là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Hai bên không làm hợp đồng mua bán, mà làm hợp đồng ủy quyền, được Công chứng viên C thực hiện công chứng. Anh N nhờ chị dâu là bà Lê Huệ G đứng tên trong hợp đồng ủy quyền này; sau đó yêu cầu T viết giấy bán xe đưa anh N giữ. Đến khoảng tháng 02/2021, trong quá trình đi làm ăn, buôn bán ở biên giới tỉnh An Giang, anh N đã bán xe ô tô 77A - 158.67 cho một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) với số tiền là

500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và cũng không có giấy tờ mua bán. Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Định đã ra thông báo truy tìm chiếc xe ô tô trên nhưng đến nay chưa có kết quả.

Do vợ chồng Phùng Mạnh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng X P đã gửi đơn khởi kiện dân sự đối với vợ chồng T đến Tòa án nhân dân thành phố Q. Tại Bản án số 16/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã tuyên buộc vợ chồng T - N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X P tính đến ngày 28/01/2021 với số tiền là 721.635.206 đồng (trong đó, nợ gốc: 673.500.000 đồng, lãi trong hạn: 46.794.411 đồng, lãi quá hạn: 1.340.795 đồng). Trường hợp vợ chồng T - N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Q kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 77A - 158.67 để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Vụ thứ hai: Vào tháng 8/2019, vợ chồng T - N được cha mẹ vợ là ông Trần Cao L và bà Bùi Thị P, trú tại tỉnh Bình Định tặng cho thửa đất số 850, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; vợ chồng T - N cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 28/8/2019, vợ chồng T - N thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng A Việt Nam - Chi nhánh A vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để T làm vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Ngoài ra, vợ chồng ông Võ B (sinh năm 1973) và bà Nguyễn Thị Phương T (sinh năm 1979), trú tại thôn Đông B, xã T, thị xã A, tỉnh Bình Định có vay tiền của T trong năm 2018 và sau đó nhờ T liên hệ làm thủ tục thế chấp thửa đất số: 2459, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ: Khu quy hoạch tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp H, xã T, thị xã A để vay tiền trả cho T, nên T có được thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Tháng 02/2020, T liên lạc với Zalo có tên “Đào tạo lái xe Thành Công” đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, với số seri: CP300692 đối với thửa đất số: 2459, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ: Khu quy hoạch tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp H, xã T, thị xã A, tỉnh Bình Định và số seri: CR791570 đối với thửa đất số: 850, tờ bản đồ số: 9, địa chỉ: T, N, thị xã A, tỉnh Bình Định, đều đứng tên chủ sở hữu là Phùng Mạnh T và vợ là Trần Thị Quỳnh N, với giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nhưng T không nói cho N biết việc đặt làm giả giấy tờ này. Lấy lý do để thuận lợi cho việc vay vốn làm ăn và do N mới sinh con nhỏ, tránh phải đi lại nhiều lần nên T nói N làm hợp đồng ủy quyền cho mình quản lý, sử dụng đối với thửa đất tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Tin lời T, nên ngày 10/3/2020, N cùng T đến Văn phòng công chứng Bình Định ký hợp đồng ủy quyền trước sự chứng kiến của Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C mà không đọc nội dung. Trong khi đó, nội dung ủy quyền mà N ký là ủy quyền đối với hai thửa đất: thửa số: 850, tờ bản đồ số: 9, tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và thửa số: 2459, tờ bản đồ số: 5, tại Khu công nghiệp H, thuộc xã T, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Ngày 13/3/2020, Phùng Mạnh T sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên ký 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thị xã A cho anh Đỗ Văn T1 với tổng số tiền chuyển nhượng là 500.000.000 đồng (trong đó, thửa đất tại xã N chuyển nhượng với giá 200.000.000 đồng, thửa đất tại xã T chuyển nhượng với giá 300.000.000 đồng); hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Định. Đến tháng 6/2020, anh T1 phát hiện 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên là giả, nên yêu cầu T trả lại tiền thì T đã trả lại cho anh T1 216.993.000 đồng (trong đó: trả bằng tiền mặt 150.000.000 đồng và chuyển nhiều lần vào tài khoản của anh T1 66.993.000 đồng). Ngày 15/12/2020, do T không tiếp tục trả nợ nên anh T1 đã trình báo toàn bộ sự việc với cơ quan Công an.

Vụ thứ ba: Tháng 7/2020, Phùng Mạnh T thuê xe ô tô hiệu Hyundai Elantra màu trắng, biển số 77A - 103.84 của Trần Phạm Tiến D (sinh năm 1992, trú tại TP Q, tỉnh Bình Định) để sử dụng (theo hình thức thuê xe tự lái). Sau đó, T liên lạc với tài khoản Zalo có tên “Đào tạo lái xe Thành Công” đặt làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021220, biển số 77A - 103.84, ghi tên chủ xe là Phùng Mạnh T, với giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm triệu đồng). Ngày 14/7/2020, T sử dụng giấy Chứng nhận đăng ký xe giả này, làm hợp đồng bán xe ô tô biển số 77A - 103.84 cho chị Trần Thị Hồng V với giá 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hợp đồng mua bán được Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C thuộc Văn phòng Công chứng Bình Định công chứng. Khoảng hai ngày sau, lấy lý do đi đăng kiểm xe nên T mượn lại xe ô tô trên, rồi sau đó đem xe trả cho Trần Phạm Tiến D. Khi biết bị T lừa, chị V yêu cầu T trả lại tiền, T hứa hẹn nhưng rồi không trả; đến tháng 12/2020, chị V trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Vụ thứ tư: Ngày 30/09/2019, vợ chồng Phùng Mạnh T, Trần Thị Quỳnh N ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (gọi tắt là V Bình Định) vay số tiền 535.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu đồng) để thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải, hiệu Nissan - Navara, biển số 77C - 187.35 và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô biển số 77C - 187.35 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Chứng nhận đăng ký xe bên ngân hàng giữ.

Đến năm 2020, T liên lạc với tài khoản Zalo có tên “Đào tạo lái xe Thành Công” đặt làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký của xe ô tô biển số 77C - 187.35, ghi tên chủ xe là Phùng Mạnh T, với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngày 09/11/2020, T đem Chứng nhận đăng ký giả và xe ô tô biển số 77C - 187.35 cầm cố cho anh Lâm Trọng T (sinh năm 1990, trú tại 20 Nguyễn Thiếp, phường Đập Đá, thị xã A, tỉnh Bình Định, là chủ tiệm cầm đồ “T thành phố”) lấy số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Hết thời hạn cầm cố, T không chuộc lại xe nên anh T đã cho Nguyễn N D (sinh năm 1991, trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định) thuê xe ô tô biển số 77C - 187.35 để sử dụng đi lại. Anh D đã đặt cọc cho anh T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo sự việc, anh T và anh D tự nguyện giao nộp xe ô tô

biển số 77C - 187.35; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034527, biển số 77C - 187.35; Hợp đồng cầm đồ.

** Tại Bản kết luận giám định số 25/PC09 ngày 02/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận:*

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021220 (là Chứng nhận xe ô tô biển kiểm soát 77A - 103.84 mà T bán cho chị V) là giả.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS02156 ngày 23/8/2019 (là Giấy chứng nhận mà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Văn T1) là giả.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS00956 ngày 25/12/2019 (là Giấy chứng nhận mà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Văn T1) là giả.

** Tại Bản kết luận giám định số 321/PC09 ngày 12/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận:* Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034527 (là Giấy chứng nhận xe ô tô biển kiểm soát 77C-187.35 mà T cầm cố cho anh Lâm Trọng T) là giả.

** Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:*

- Anh Nguyễn Hà N giao nộp:

+ 01 (Một) hợp đồng ủy quyền ngày 22/01/2020, số công chứng 420 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

+ 01 (Một) giấy bán xe ô tô biển số 77A - 158.67 ghi ngày 16/01/2020.

- Anh Đỗ Văn T1 giao nộp:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS02156 ngày 23/8/201901 và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS00956 ngày 25/12/2018 đều do ông Nguyễn Hiến – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định ký tên, đóng dấu (Kết quả giám định 02 Giấy chứng nhận là giả).

+ 01 (Một) Hợp đồng ủy quyền của Trần Thị Quỳnh N cho Phùng Mạnh T.

+ 02 (Hai) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Phùng Mạnh T và Đỗ Văn T1.

+ 01 (Một) Giấy nhận tiền lập ngày 13/03/2020 giữa Phùng Mạnh T và Đỗ Văn T1.

- Chị Trần Thị Hồng V giao nộp:

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 021220, BKS 77A - 103.84, chủ xe là Phùng Mạnh T – 1989, ở N Thạnh, T, TX. A, tỉnh Bình Định (Kết quả giám định là giả).

+ 01 (Một) Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 77A - 103.84 giữa Phùng Mạnh T và Trần Thị Hồng V.

+ 02 (Hai) Giấy mượn tiền đề ngày 26/6/2020 và ngày 15/7/2020 (Ngày 25/10/2021, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Định đã trả lại 02 giấy mượn tiền trên cho chị V).

- Anh Lâm Trọng T giao nộp:

+ 01 (Một) Hợp đồng cầm đồ ghi ngày 9/11/2020, tài sản là xe ô tô biển số 77C - 187.35.

+ 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 215568686 tên Phùng Mạnh T.

- Anh Nguyễn N D giao nộp:

+ 01 (Một) xe ô tô bán tải hiệu Nissan – Navara, màu sơn trắng, biển số 77C - 187.35, số máy: YD25745926T, số khung: 2D23Z0031643.

+ 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034527, biển số 77C - 187.35, tên chủ xe Phùng Mạnh T – 1989, ở N Thạnh, T, A, Bình Định (Kết quả giám định là giả).

+ 02 (Hai) bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 77C - 187.35.

+ 01 (Một) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện xe ô tô 77C - 187.35, có hiệu lực đến hết ngày 27/9/2021.

+ 01 (Một) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe Phùng Mạnh T, loại xe bán tải Nissan – Navara, thời hạn bảo hiểm từ 08 giờ ngày 27/9/2019 đến 08 giờ ngày 27/9/2020.

*** Về dân sự:**

- Anh Nguyễn Hà N không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Đại diện Ngân hàng X P yêu cầu vợ chồng Phùng Mạnh T thanh toán khoản tiền gốc, tiền lãi vay đối với khoản vay mua xe ô tô 77A - 158.67 tạm tính đến ngày 7/11/2021 là 788.693.958 đồng (trong đó, số tiền gốc: 673.500.000 đồng, lãi trong hạn: 108.359.692 đồng, lãi quá hạn: 6.834.266 đồng) theo bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã tuyên và đã có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết gì thêm về phần dân sự.

- Anh Đỗ Văn T1 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại: 283.007.000 đồng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi vi phạm của công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị Hồng V yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền thiệt hại với số tiền theo giá trị chiếc xe ô tô biển số 77A - 103.84 mà bị cáo đã bán cho chị, không chấp nhận bồi thường số tiền 150.000.000đ theo hợp đồng hai bên đã ký kết tại phòng công chứng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi vi phạm của công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C theo quy định của pháp luật.

- Anh Lâm Trọng T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 400.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn N D yêu cầu anh Lâm Trọng T trả lại số tiền: 100.000.000 đồng đã đặt cọc khi thuê xe ô tô 77C - 187.35. Tại phiên tòa anh D vắng mặt và

giao nộp giấy thỏa thuận về việc giữa anh T và anh D đã tự thỏa thuận giải quyết bồi thường xong và không khiếu kiện yêu cầu gì thêm.

- Đại diện Ngân hàng V Bình Định yêu cầu được nhận tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 77C - 187.35 để xử lý thu hồi nợ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Mạnh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Mạnh T 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm b, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Mạnh T 04 (Bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/5/2021

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Phùng Mạnh T phải bồi thường cho:

Anh Đỗ Văn T1 283.007.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu không trăm không bảy nghìn đồng).

Chị Trần Thị Hồng V 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Anh Lâm Trọng T 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/5/2022, bị hại Trần Thị Hồng V kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C vì đã có hành vi cấu kết với bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà và buộc bà V có trách nhiệm bồi thường cho bà.

- Ngày 31/5/2022, bị hại Đỗ Văn T1 kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm của bà Trần Thị Quỳnh N (vợ bị cáo T) và bà Nguyễn Thị Hồng C (Công chứng viên) trong việc giúp sức cho bị cáo T sử dụng giấy tờ giả lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông; yêu cầu Tòa buộc bà N, bà V cùng có trách nhiệm bồi thường tiền chiếm đoạt cho ông.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 BLTTHS, hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V.

[2]. Xét kháng cáo của các bị hại Đỗ Văn T1, Trần Thị Hồng V, nhận thấy:

[2.1]. Đối với Trần Thị Quỳnh N (vợ của bị cáo Phùng Mạnh T); xét thấy: Trần Thị Quỳnh N tuổi đời còn trẻ (sinh năm 2001), hiểu biết pháp luật có hạn chế (học lực 9/12), mọi việc đều nghe theo sự sắp đặt của bị cáo T; những hoạt động làm ăn của bị cáo thì N không được biết, không được tham gia quản lý; việc mua sắm tài sản, thế chấp tài sản vay ngân hàng đều làm theo ý kiến của T. Do đó, khi nghe bị cáo báo N ký các hợp đồng ủy quyền với mục đích để bị cáo thuận lợi, chủ động trong việc vay vốn làm ăn, N không phải đi lại nhiều lần vì còn chăm con nhỏ thì N đã ký các hợp đồng ủy quyền cho T. Mặt khác, việc T đặt làm giả giấy tờ, sử dụng giấy tờ giả bán, cầm cố tài sản cho người khác thì T luôn giấu vợ, nên N hoàn toàn không biết, không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với T trong việc đặt làm, sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác và cũng không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của T. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định Trần Thị Quỳnh N không đồng phạm với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 174, Điều 341 Bộ luật Hình sự và không buộc liên đới về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C: Là người trực tiếp công chứng các giấy tờ như hợp đồng ủy quyền, hợp đồng mua bán xe, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà T sử dụng các giấy tờ giả để giao dịch; khi công chứng, Công chứng viên Nguyễn Thị Hồng C đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Luật Công chứng quy định; việc C không phát hiện các giấy tờ giả là khách quan, vì không được trang bị máy móc, thiết bị hỗ trợ phát hiện giấy tờ giả; C hoàn toàn không biết, không có sự thỏa thuận, bàn bạc, tiếp tay cho T. Hơn nữa, việc cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Bình Định mới được thực hiện từ ngày 15/01/2021 theo Quyết định số 95/2020/QĐ-UBND ngày 13/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định, là sau khi vụ án xảy ra nên việc C không phát hiện các thửa đất tại thị xã A đã được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh A và của người khác là yếu tố khách quan. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định Nguyễn Thị Hồng C không đồng phạm với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và cũng không có căn cứ xử lý đối với C về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” được quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự và không buộc liên đới về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Mặt khác, qua kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có căn cứ xác định Trần Thị Quỳnh N và Nguyễn Thị Hồng C có

hành vi giúp sức cho bị cáo T sử dụng giấy tờ giả lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Do kháng cáo của ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V có liên quan đến phần trách nhiệm dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Phùng Mạnh T phải bồi thường cho:

Anh Đỗ Văn T1 283.007.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu không trăm không bảy nghìn đồng).

Chị Trần Thị Hồng V 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Anh Lâm Trọng T 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T1 và bà Trần Thị Hồng V, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào

